

Bản án số: 19/2019/TLPT-DS
Ngày: 26-4-2019
V/v: Tr/ch đòi quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Vũ Thị Mai Hương

Các thẩm phán: Bà Vũ Thị Thu

Ông Lại Văn Tùng

- Thư ký phiên toà: Ông Lã Ngọc Tiên

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên toà:

Ông Trần Trọng Dân - Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở, Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 33/2018/TLPT-DS ngày 20 tháng 12 năm 2018 về việc “Tranh chấp đòi quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 08/2018/DS-ST ngày 02 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Ý Yên bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 42/2019/QĐ-PT ngày 28 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:** Ông Trần Văn Th, sinh năm 1965 và bà Trần Thị N, sinh năm 1973;

Đều cư trú: Thôn T - xã Y - huyện Y - tỉnh Nam Định

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Đinh Quốc H - thuộc đoàn Luật sư tỉnh Ninh Bình.

***Bị đơn:** Ông Trần Văn Ch, sinh năm 1951 và bà Trần Thị B, sinh năm 1953.

Đều cư trú: Thôn T - xã Y - huyện Y - tỉnh Nam Định

- Người đại diện theo uỷ quyền của ông Trần Văn Ch và bà Trần Thị B tại phiên tòa phúc thẩm: Ông Trần Văn V, sinh năm 1968.

***Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**

1. Ông Trần Văn V, sinh năm 1968 và bà Trần Thị H, sinh năm 1978.

Đều cư trú: Thôn T - xã Y - huyện Y - tỉnh Nam Định

- *Người đại diện theo uỷ quyền của bà Trần Thị H: Ông Trần Văn V.*

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Trần Văn Ch và ông Trần Văn V: Luật sư Bùi Xuân L - thuộc Công ty Luật TNHH Đào Ngọc Lý – Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội.*

2. UBND xã Y - huyện Y - tỉnh Nam Định

**Người làm chứng:*

1. Ông Trần Xuân L

2. Ông Trần Văn K

3. Ông Trần Ngọc L.

Đều cư trú: Thôn T - xã Y - huyện Y - tỉnh Nam Định

**Người kháng cáo:*

1. Bị đơn: Ông Trần Văn Ch

2. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Ông Trần Văn V

(Tại phiên toà, có mặt: ông Th, bà N, ông V, luật sư Hưng, Luật sư Lai; Vắng mặt: Ông Ch, bà B, ông L, ông K, ông L, đại diện UBND xã Yên Mỹ).

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Tại đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn là ông Trần Văn Th trình bày: Sau khi hoàn thành nghĩa vụ trở về địa phương, do chỗ ở chật chội, gia đình ông có lai lán ra phần đất của xã, vì vậy ông Th làm đơn đăng ký mua đất. Sau khi hoàn tất nghĩa vụ tài chính, năm 2010 vợ chồng ông Th được nhà nước cấp diện tích đất ở 99m² tại thôn T - xã Y - huyện Y - tỉnh Nam Định, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Trần Văn Th và Trần Thị N. Vì chưa có điều kiện để làm nhà nên ông bà để đất trống, ông Ch hàng xóm đã tự ý lấn chiếm toàn bộ diện tích đất để nuôi vịt, bản thân ông và gia đình đã nhiều lần yêu cầu ông Ch phải trả lại đất nhưng ông Ch không trả, ông cũng đã làm đơn đề nghị UBND xã Y giải quyết nhưng không thành. Nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Ch phải trả cho ông diện tích đất 99 m² tại thửa số 220 tờ bản đồ số 01 lập năm 1991 chính lý năm 2009 tại xã Y - huyện Y - tỉnh Nam Định.

+ Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án:

- Bị đơn ông Trần Văn Ch trình bày: Diện tích đất ông đang sử dụng để chăn nuôi gà, vịt là của ông Trần Văn V (em trai). Năm 2007 ông Trần Văn V cho ông mượn đất để chăn nuôi, ông đã san lấp xây chuồng trại chăn nuôi thì bị

chính quyền UBND xã Y yêu cầu dừng việc xây dựng không phép, nhiều lần lập biên bản buộc tháo dỡ nhưng ông không nhất trí và đã bị xử phạt hành chính là 2.000.000 đồng. Quá trình sử dụng ông đã mua 100m³ cát đen để đổ nền hết 10.000.000 đồng, ngoài ra có xây dựng chuồng nuôi vịt, gà bằng gạch bi. Ông không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông Trần Văn Th, ông không lấn chiếm đất của ông Th vì diện tích đất mà vợ chồng ông Th đòi là đất ruộng của ông Trần Văn V (em trai).

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án, ông Trần Văn V trình bày: Năm 2003 gia đình ông được chia ruộng tại khu vực đồng Sông thôn T và được thuê thêm cho các cháu nhỏ sát với phần ruộng của gia đình. Đến năm 2004 thôn đội mở rộng đường nội đồng nên có lấn vào phần ruộng được chia của gia đình ông khoảng 48m² và thôn đội đã thống nhất trả cho ông là 72 m² thuộc phần đất thuê của xã. Việc thoả thuận đổi, trả đất chỉ có ông và ông Trần Ngọc L, ông Trần Ngọc K và ông Trần Xuân L. Chính quyền UBND xã Y có biết không thì ông không biết. Năm 2007 ông có cho anh trai là Trần Văn Ch mượn để chăn nuôi từ đó cho đến nay. Quá trình sử dụng đất ông Ch san lấp, xây dựng lán trại chăn nuôi gà, vịt thì chính quyền xã cũng đã ra yêu cầu đình chỉ xây dựng và xử phạt hành chính nhưng ông Ch vẫn tiến hành làm. Ông V cho rằng diện tích đất đang tranh chấp là của ông do đổi ruộng mà có nên ông đề nghị Toà án giải quyết theo quy định pháp luật.

- Người làm chứng ông Trần Văn K và ông Trần Xuân L có lời khai: Năm 2004 tại nhà ông Trần Ngọc L Đội trưởng đội sản xuất của thôn T các ông cùng với ông Trần Văn V đã thống nhất trả cho ông V 72m² đất của xã để lấy 48m² khi mở rộng đường nội đồng. Theo các ông thì việc trả đổi đất này không có văn bản chỉ đạo nào của UBND xã Yên Mỹ, chỉ thấy ông L nói là đã được chính quyền xã đồng ý, còn chính quyền xã có biết việc này hay không thì các ông không biết.

Ngày 05 tháng 6 năm 2018 theo đơn đề nghị của ông Trần Văn Th, Toà án nhân dân huyện Y đã ra quyết định xem xét thẩm định tại chỗ và quyết định thành lập Hội đồng định giá đối với tài sản đang tranh chấp.

Tại biên bản xem xét thẩm định hồ sơ địa chính xã Y xác định:

Về nguồn gốc: Diện tích 99 m² đất thuộc thửa đất số 220 tờ bản đồ số 01 lập năm 1991 chỉnh lý năm 2009 nằm trong thửa đất số 65 tờ bản đồ 01 bản đồ địa chính xã Y lập năm 1991 chỉnh lý năm 2009 là đất trồng cây hàng năm do UBND xã quản lý.

Năm 2009 khi Nhà nước có chủ trương hợp pháp hóa quyền sử dụng đất, UBND xã Y tiến hành rà soát diện tích đất xã đang quản lý và nhu cầu sử dụng đất của các hộ dân. Hộ ông Trần Văn Th đã có đơn đề nghị lên UBND xã xin được hợp pháp thêm với diện tích 99m² vì trong quá trình sử dụng đất gia đình có lai lần thêm với các cạnh cụ thể như sau: Cạnh phía Tây dài 12,4m giáp đất UBND xã, cạnh phía Đông dài 12,4m giáp đất ông Th, cạnh phía Nam dài 8m giáp đất lưu không đường quốc lộ 38B, cạnh phía Bắc dài 8m giáp đất UBND xã.

UBND xã căn cứ theo tình hình thực tế, hiện trạng sử dụng đất của hộ ông Trần Văn Th tại thời điểm đó đã lập thủ tục đề nghị UBND huyện xem xét đối với trường hợp hộ ông Th. Ngày 19/10/2010 UBND huyện đã ra Quyết định số 4547/QĐ-UBND ngày 19/10/2010 phê duyệt phương án xử lý đối với các trường hợp sử dụng đất chưa hợp pháp tại xã Yên Mỹ, hộ ông Trần Văn Th sau khi hoàn thành nghĩa vụ tài chính đã được UBND huyện Y cấp GCN QSD đất số BD 570863 với diện tích 99m² đất ở thuộc thửa đất số 220, tờ bản đồ số 01 bản đồ địa chính xã Y lập năm 1991 chỉnh lý năm 2009 mang tên ông Trần Văn Th và bà Trần Thị N.

Tại biên bản xem xét thẩm định và định giá tài sản thì thửa đất đang có tranh chấp có tứ cận: Cạnh phía Tây giáp đất UBND xã quản lý dài 12,4m, cạnh phía Đông giáp đất hộ ông Th dài 12,4m, cạnh phía Nam giáp lưu không quốc lộ 38b dài 8m; cạnh phía Bắc giáp đất UBND xã quản lý dài 8m.

Hội đồng định giá quyết định giá đất thổ cư là 99m² x 2.500.000đ/m² = 247.500.000 đồng; giá trị tài sản và công vượt lập là 8.291.000 đồng.

Từ nội dung trên, tại bản án dân sự sơ thẩm số 08/2018/DS-ST ngày 02 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Y đã quyết định:

Áp dụng Điều 169 Bộ luật dân sự năm 2005; Các Điều 49, 50, 136, 166, 170 Luật đất đai năm 2003; Các Điều 147, 228, 271, 272, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

1. Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông Trần Văn Th và bà Trần Thị N đối với vợ chồng ông Trần Văn Ch và bà Trần Thị B.

Buộc vợ chồng Trần Văn Ch, bà Trần Thị B trả lại quyền sử dụng diện tích 99m² đất ở thuộc tờ bản đồ số 01 thửa đất số 220, bản đồ địa chính xã Y lập năm 1991 chỉnh lý năm 2009 tại xã Y cho vợ chồng ông Trần Văn Th và bà Trần Thị N. Thửa đất có tứ cận:

Cạnh phía Tây giáp đất UBND xã Y quản lý dài 12,4m;

Cạnh phía Đông giáp đất hộ ông Th dài 12,4m;

Cạnh phía Nam giáp lưu không quốc lộ 38B dài 8m;

Cạnh phía Bắc giáp đất UBND xã Y quản lý dài 8m.

Vợ chồng ông Trần Văn Ch, bà Trần Thị B phải có trách nhiệm phá dỡ công trình trên đất để trả lại diện tích đất cho ông Trần Văn Th và bà Trần Thị N.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo của các đương sự.

- Ngày 02/11/2018, bị đơn ông Trần Văn Th và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn V đều có đơn kháng cáo với nội dung: Không nhất trí với quyết định của bản án sơ thẩm, đề nghị TAND tỉnh Nam Định xét xử phúc thẩm lại vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

+ Ông Trần Văn V vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo của ông V và ông Ch; Ông V ủy quyền cho luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp trình bày yêu cầu kháng cáo.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích cho ông Trần Văn V, Trần Văn Ch trình bày yêu cầu kháng cáo: Bản án sơ thẩm đã xét xử không đúng, đã ra quyết định trái pháp luật. Đề nghị hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Ch và ông V vì lý do sau: Năm 2001 nhà ông V đã được chia thửa ruộng đất tại thửa đất số 65. Năm 2003 nhà ông V được chia ruộng tại khu vực xứ đồng sông cạnh diện tích đất đang tranh chấp. Năm 2004 thôn đội mở đường nội đồng đã lấn chiếm vào đất ruộng của nhà ông V nên thôn đội đã thống nhất lấy 72 m² đất thửa của xã trả cho nhà ông V. Không hiểu tại sao năm 2009 UBND huyện Y lại cấp 99m² đất mà ông V ông Ch đang sử dụng cho gia đình ông Th, trong khi hàng năm nhà ông V vẫn nộp đầy đủ tiền giao thửa diện tích đất trên cho thôn xã. Quá trình đi xác minh thu thập tài liệu về việc cấp GCNQSDĐ cho nhà ông Th, thấy có rất nhiều sai sót vi phạm về trình tự thủ tục – có dấu hiệu của tội phạm hình sự.

Trong phần tranh luận, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông V, ông Ch đề nghị hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của ông V, ông Ch: Hủy bản án sơ thẩm do có nhiều vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, giao hồ sơ về để TAND huyện Y đi điều tra xác minh xét xử sơ thẩm lại vụ án. Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 570863 với diện tích 99m² đất ở thuộc tờ bản đồ số 01 thửa đất số 220, bản đồ địa chính xã Y lập năm 1991 chỉnh lý năm 2009 đã cấp cho ông Trần văn Th và bà Trần Thị N.

+ Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày ý kiến: Năm 2009, nhà ông Th bà N đã làm các thủ tục để được UBND huyện Y

cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 570863 với diện tích 99m² đất ở thuộc tờ bản đồ số 01 thửa đất số 220, bản đồ địa chính xã Y lập năm 1991 chính lý năm 2009 là hoàn toàn phù hợp với các quy định của pháp luật. Ông Ch và ông V cho rằng đất cấp cho nhà ông Th là đất của ông V được thôn đội đổi cho trong quá trình thôn mở rộng đường nội đồng nhưng theo tài liệu đã xác định năm 2003 dồn điền đổi thửa đất ruộng cấp cho nhà ông V vẫn được sử dụng ổn định không thay đổi về diện tích cũng không liên quan đến 99 m² tranh chấp. UBND xã đã có văn bản trả lời hàng năm không thu thuế của hộ ông V đối với diện tích 99 m² đang tranh chấp.

Trong phần tranh luận, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Th bà N, đề nghị hội đồng xét xử phúc thẩm bác yêu cầu kháng cáo của ông V, ông Ch – giữ nguyên các quyết định của bản án sơ thẩm. Buộc ông V ông Ch phải tự tháo dỡ công trình đã xây dựng trái phép để trả lại phần đất đã lấn chiếm cho gia đình ông bà Th - N.

+ Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng, quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân theo các quy định pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự chấp hành đúng các quy định pháp luật tố tụng dân sự, quyền lợi của các đương sự được bảo đảm.

Về nội dung, tại phiên tòa phúc thẩm căn cứ tài liệu trong hồ sơ vụ án, qua tranh tụng tại phiên tòa thấy hộ gia đình ông Th bà N được cấp GCNQSDĐ là đúng quy định của pháp luật.

Phía ông V, ông Ch cho rằng đất tranh chấp là do được thuê với thôn đội nhưng không đưa ra được chứng cứ pháp lý về việc giao thuê của cấp có thẩm quyền. Việc đổi đất giữa ông V với thôn đội cũng không đúng quy định của pháp luật không được cấp có thẩm quyền phê duyệt, thôn đội không có thẩm quyền giao đất, chuyển nhượng đất.

Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông V, ông Ch – giữ nguyên các quyết định của cấp sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Kháng cáo của bị đơn ông Trần Văn Ch và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Trần Văn V đều làm trong thời hạn luật định nên được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự tố tụng phúc thẩm.

[2] Xét nội dung kháng cáo của ông Trần Văn Ch và ông Trần Văn V, Hội đồng xét xử nhận thấy:

+ Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn đề nghị Tòa án giải quyết buộc phía bị đơn phải trả lại phần diện tích đã lấn chiếm thuộc quyền quản lý sở hữu của nguyên đơn, vì vậy quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp đòi quyền sử dụng đất”.

+ Về nội dung:

Ông Trần Văn Ch cho rằng diện tích đất đang tranh chấp là của ông Trần Văn V (em trai ông Ch) cho ông mượn để chăn nuôi. Ông Trần Văn V cho rằng đất đang tranh chấp là đất của ông, vì năm 2004 khi thôn T mở rộng đường nội đồng đã lấn 48m² diện tích đất ruộng của gia đình ông nên thôn đã cắt 72m² đất thầu của xã trả cho gia đình ông, do không sử dụng nên ông đã cho ông Ch sử dụng. Tuy nhiên ông V không đưa ra được tài liệu chứng cứ giấy tờ pháp lý nào thể hiện diện tích đất đang tranh chấp là thuộc quyền quản lý sở hữu của gia đình ông.

Theo tài liệu chứng cứ đã thu thập, thể hiện việc thôn T lấy đất thầu thuộc quyền quản lý của xã trả cho gia đình ông V chỉ có ông V, ông K ông L và ông L - là cán bộ thôn T tự thỏa thuận với nhau, không báo cáo UBND xã Y - là cơ quan đang quản lý diện tích đất công, vì vậy việc đổi đất giữa thôn T và hộ ông V xã Y hoàn toàn không biết, không phê chuẩn quyết định về việc đổi đất này. Theo quy định của pháp luật, thì thôn T không có thẩm quyền được giao đất, cho thuê đất, cho chuyển đổi mục đích sử dụng đất ... , vì vậy việc hộ ông V và các ông ông K, ông L và ông L - là cán bộ thôn T tự thỏa thuận đổi đất với nhau không đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền.

Mặt khác, theo tài liệu chứng cứ đã thu thập thể hiện, sau khi dồn điền đổi thửa năm 2003, hộ ông V được giao đất ruộng tại 2 thửa đất: Xứ đồng Sông (thuộc tờ bản đồ số 01, thửa đất số 66 với diện tích 905m²) và xứ đồng Thành Giá (thuộc tờ bản đồ số 02 thửa đất số 281 với diện tích 100m²). Hiện hai thửa đất ruộng giao ổn định cho hộ ông V không thay đổi về diện tích, không liên quan gì đến thửa đất số 65, tờ bản đồ số 01 do UBND xã đang quản lý.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được thu thập trong quá trình giải quyết vụ án, thấy nguồn gốc đất đang tranh chấp thuộc thửa đất số 220 tờ bản đồ số 01 có diện tích 99m² tại thôn T - xã Y - huyện Y - tỉnh Nam Định, theo bản đồ địa chính xã Y lập năm 1991, chỉnh lý năm 2009 - toàn bộ thửa đất trên thuộc

thửa đất số 65 tờ bản đồ số 01 là đất trồng cây hàng năm do UBND xã Y quản lý. Trước năm 2009, UBND huyện Y chưa giao, cấp diện tích đất này cho hộ gia đình nào.

Năm 2009 khi Nhà nước có chủ trương hợp pháp hóa quyền sử dụng đất, căn cứ theo tình hình thực tế, hiện trạng sử dụng đất của hộ ông Trần Văn Th tại thời điểm đó đã có đơn đề nghị, UBND huyện Y đã làm thủ tục cấp GCNQSD đất số BD 570863 với diện tích 99m² đất ở thuộc thửa đất số 220, tờ bản đồ số 01, bản đồ địa chính xã Y lập năm 1991, chỉnh lý năm 2009 cho ông Trần Văn Th và bà Trần Thị N. Tại Công văn số 280/CV-TNMT ngày 12 tháng 9 năm 2018 của Phòng Tài nguyên môi trường huyện Y cung cấp: Trình tự thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 570863 với diện tích 99m² đất ở thuộc tờ bản đồ số 01 thửa đất số 220, bản đồ địa chính xã Y lập năm 1991 chỉnh lý năm 2009 cho ông Trần Văn Th và bà Trần Thị N là đúng theo quy định của pháp luật, đất được cấp theo quyết định số 8087/QĐ –UBND ngày 31/12/2009 về phê duyệt phương án xử lý đối với các trường hợp sử dụng đất chưa hợp pháp tại xã Yên Mỹ.

Như vậy vợ chồng ông Trần Văn Th và bà Trần Thị N được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 99 m² thuộc thửa số 220 tờ bản đồ số 01 lập năm 1991 chỉnh lý năm 2009 là hoàn toàn đúng với quy định của pháp luật.

Cấp sơ thẩm đã căn cứ các quy định của pháp luật xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông Trần Văn Th và bà Trần Thị N là có căn cứ pháp lý.

Kháng cáo của ông Trần Văn Ch, Trần Văn V không có căn cứ pháp lý nên không được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo - kháng nghị, Hội đồng phúc thẩm không xem xét.

[4] Về án phí: Do kháng cáo của ông Trần Văn Ch, Trần Văn V không được chấp nhận nên ông Ch, ông V phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Tuy nhiên xét ông Trần Văn Ch sinh năm 1951 và bà Trần Thị B sinh năm 1953, hiện nay đều đã trên 60 tuổi – thuộc diện người cao tuổi, nên theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì ông Ch và bà B thuộc đối tượng được miễn án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 BLTTDS; Điều 169 Bộ luật dân sự năm 2005; Các Điều 49, 50, 136, 166, 170 Luật đất đai năm 2003; Các Điều 147, 228, 271, 272, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Văn Ch và ông Trần Văn V, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông Trần Văn Th và bà Trần Thị N.

Buộc vợ chồng Trần Văn Ch, bà Trần Thị B trả lại quyền sử dụng diện tích 99m² đất ở thuộc tờ bản đồ số 01 thửa đất số 220, bản đồ địa chính xã Y lập năm 1991 chính lý năm 2009 tại xã Y cho vợ chồng ông Trần Văn Th và bà Trần Thị N.

Thửa đất có tứ cận:

Cạnh phía Tây giáp đất UBND xã Y quản lý dài 12,4m;

Cạnh phía Đông giáp đất hộ ông Th dài 12,4m;

Cạnh phía Nam giáp lưu không quốc lộ 38B dài 8m;

Cạnh phía Bắc giáp đất UBND xã Y quản lý dài 8m.

Vợ chồng ông Trần Văn Ch, bà Trần Thị B phải có trách nhiệm phá dỡ công trình trên đất để trả lại diện tích đất cho ông Trần Văn Th và bà Trần Thị N.

3. Về án phí:

- Nguyên đơn ông Trần Văn Th và bà Trần Thị N không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm; Trả lại cho ông Trần Văn Th số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.750.000 đồng tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số BB/2012/08519 ngày 23/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ý Yên;

- Miễn án phí dân sự sơ thẩm và dân sự phúc thẩm cho vợ chồng ông Trần Văn Ch và bà Trần Thị B. Trả lại cho ông Trần Văn Ch số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2015/0000955 ngày 09/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ý Yên;

- Ông Trần Văn V phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được đối trừ số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm ông V đã nộp 300.000 đồng tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2015/0000954 ngày 09/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ý Yên, như vậy ông Trần Văn V đã nộp đủ tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKS tỉnh ND
- TAND huyện Ý Yên;
- Chi cục THADS huyện Ý Yên;
- Các đương sự;
- Lưu HS, tòa DS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Vũ Thị Mai Hương